

Vietnam Daily Review

Thủy triều đỏ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/8/2021		•	
Tuần 23/8-27/8/2021		•	
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index chìm ngập trong sắc đỏ trong phiên giao dịch hôm nay. Nhip điều chỉnh tăng mạnh khi có tin đồn về tình trạng giãn cách xã hội của thành phố Hồ Chí Minh. Dòng tiền đầu tư thoát khỏi thị trường khi toàn bộ 19 nhóm ngành đều giảm điểm. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản thị trường đạt mức cao nhất trong lịch sử, cho thấy tâm lý bán tháo mạnh mẽ của các nhà đầu tư. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên sàn HSX và mua ròng tại HNX. Với phiên điều chỉnh hôm nay, thị trường đã trở về vùng hỗ trợ 1320-1330 điểm và có thể sẽ duy trì nhip vận động trong vùng 1320-1350 vào tuần tới.

Hợp đồng tương lai: Các hợp đồng đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhip cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: NT2_ Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-45.42** điểm, đóng cửa **1329.43**. HNX-Index **-8.01** điểm, đóng cửa **338.06**.
- Kéo chỉ số tăng: **VGC (+0.31); DPM (+0.14); GEX (+0.09); APH (+0.05); REE(+0.05)**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-5.53); VCB (-2.70); GVR (-2.53); TCB (-2.31); BID (-2.12)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **36,807 tỷ đồng**, **+68.5%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 38,349 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 14.67 điểm. Thị trường có **75** mã tăng, 31 mã tham chiếu và **302** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-755.09** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-179.6 tỷ), VJC (-148.2 tỷ) và VIC (-107.90 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **64.37** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1329.43**
Giá trị: 36807.13 tỷ **-45.42 (-3.3%)**
Khối ngoại (ròng): -755.09 tỷ

HNX-INDEX **338.06**
Giá trị: 4573.92 tỷ **-8.01 (-2.31%)**
Khối ngoại (ròng): 64.37 tỷ

UPCOM-INDEX **92.70**
Giá trị: 17468.4 tỷ **-2.01 (-2.12%)**
Khối ngoại(ròng): 16.52 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	63.5	-0.30%
Giá vàng	1,782	0.06%
Tỷ giá USD/VND	22,828	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,645	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	20,818	0.09%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	11.15%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	189.0	HPG	179.6
DGC	50.1	VJC	148.2
VHM	36.7	VIC	107.9
PHR	6.9	CTG	101.4
TV2	5.7	HCM	49.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật doanh nghiệp	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 20/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	64.04	0.55%	-6.40%	-8.90%	43.01%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	66.81	0.54%	-5.40%	-6.70%	36.99%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	207.93	-0.11%	-8.10%	-5.20%	54.98%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1782.55	0.12%	0.20%	-1.20%	-9.52%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.29	0.15%	-1.90%	-7.80%	-17.16%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1324.50	0.34%	-3.00%	-4.70%	44.75%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	740.50	-0.30%	-4.40%	2.90%	31.76%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.11	-0.12%	1.10%	1.40%	2.46%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	198.62	-3.01%	-2.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.79	-1.88%	1.30%	13.70%	53.41%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	181.30	-0.85%	-4.40%	6.80%	45.62%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	8894.00	-1.64%	-6.10%	-4.70%	34.73%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	766.76	-0.74%	-8.70%	-10.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	822.49	-0.96%	-6.40%	-9.60%			
Nhôm	USD/ton	2545.50	-0.37%	-1.40%	3.20%	42.25%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	116.55	-2.39%	-9.20%	-30.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	158.75	-2.31%	-1.30%	13.00%	147.66%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• HDTL dầu thô Brent giảm 1.78 USD, tương đương 2.6%, xuống 66.45 USD/thùng. HDTL dầu thô Tây Texas WTI giảm 1.71 USD hay 2.6%, xuống 63.50 USD.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.5% xuống 1,778.65 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 trên sàn New York giảm 0.1% xuống 1,783.1 USD.
• Dữ liệu cho thấy số người Mỹ nộp đơn yêu cầu trợ cấp thất nghiệp mới trong tuần vừa qua đã giảm xuống mức thấp nhất trong 17 tháng, củng cố niềm tin rằng các quan chức Fed sẽ sớm thắt chặt chính sách tiền tệ.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Đại Liên giảm 7.2% xuống 763 CNY (117.44 USD)/tấn. Giá quặng sắt nhập khẩu hàm lượng 62% giảm 3.5% xuống 158.5 USD/tấn. Thép thanh kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Thượng Hải giảm 3.9% xuống 5,017 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 2.9% xuống 5,389 CNY /tấn.
• Trung Quốc mạnh tay siết chặt sản xuất và xuất khẩu thép, tiêu thụ chậm, khi rủi ro gia tăng đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu và khả năng Mỹ sắp cắt giảm kích thích kinh tế.

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Osaka giảm 3.5 yên xuống 224.8 yên/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Thượng Hải giảm 2.7% xuống 14,490 CNY/tấn.

Giá nông sản

• Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2021 trên sàn ICE giảm 1.55%, tương đương 0.8%, xuống 1.813 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn London giảm 11 USD, tương đương 0.7%, xuống 1,863 USD/tấn.
• Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn London giảm 10 USD, tương đương 2.0%, xuống 494.50 USD/tấn. Đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn ICE giảm 0.38%, tương đương 1.9%, xuống 19.79 cent/lb.

	20/8	% 20/8	19/8	% 19/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1329.43	-3.30%	1374.85	1.02%	-2.04%	4.61%
S&P 500			4405.80	0.13%	-1.23%	1.91%
HDTL S&P500	4379.00	-0.51%	4401.40	0.16%	-1.87%	0.66%
Shang- hai	3427.33	-1.10%	3465.56	-0.57%	-2.53%	-3.80%
Euro Stoxx	4115.00	-0.24%	4124.71	-1.54%	-2.71%	2.19%

Phân tích kỹ thuật

NT2_ Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: NT2 vừa hình thành phiên bứt phá sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng giá 19. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá cổ phiếu Đường giá cổ phiếu đã vượt lên MA20 và sắp kiểm tra lại MA50, báo hiệu xu hướng tăng giá tích cực. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá này. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 19.5, chốt lãi tại ngưỡng 22.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 19.0.

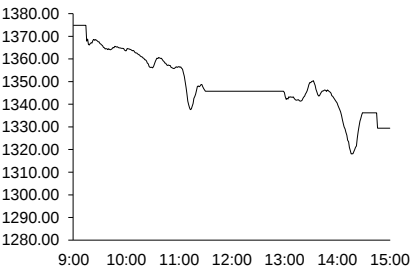
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.31%
Truyền thông	-0.53%
Du lịch và Giải trí	-0.85%
Dịch vụ tài chính	-1.15%
Xây dựng và Vật liệu	-1.40%
Y tế	-1.53%
Công nghệ Thông tin	-1.68%
Ô tô và phụ tùng	-1.93%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.37%
Thực phẩm và đồ uống	-2.65%
Bảo hiểm	-3.00%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.30%
Bất động sản	-3.45%
Tài nguyên Cơ bản	-3.74%
Ngân hàng	-3.87%
Dầu khí	-4.04%
Hóa chất	-4.25%
Bán lẻ	-4.27%

Hình 1

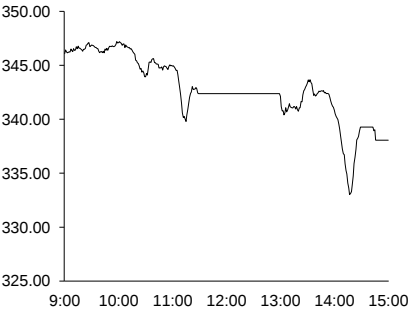
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

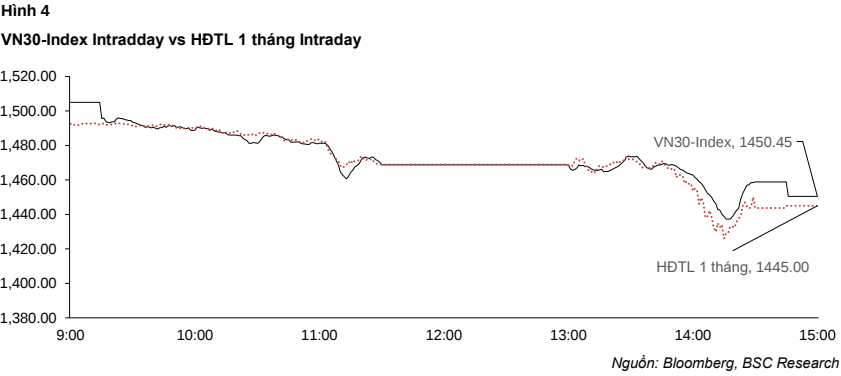
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
19/8/21	SCI	34.4	45	30	37.8	1	9.88%	Có thể tiếp tục mua
18/8/21	HAX	23.1	27	21	23.8	2	3.03%	Có thể tiếp tục mua
17/8/21	POM	15.9	20	14	16	3	0.63%	Có thể tiếp tục mua
16/8/21	FRT	42	54	38.5	39.95	4	-4.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
13/8/21	DBC	58	65.5	56.5	58.5	7	0.86%	Có thể tiếp tục mua
12/8/2021	FCN	13.35	17	12.15	13.45	8	0.75%	Có thể tiếp tục mua
10/8/2021	PVD	19.6	23.5	17.5	18.3	10	-6.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	33.5	15	1.21%	Có thể tiếp tục mua
29/7/21	CTG	33.9	40	32	32.7	22	-3.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	23.8	23	0.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
14/7/21	ACV	75	84	72	77.8	37	3.73%	Có thể tiếp tục mua
13/7/21	KBC	32.5	40	30	36.6	38	12.62%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/8/2021	VGI	32.7	38	30.5	SL	9	-6.73%
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	TP	7	17.21%
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	TP	14	20.69%
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	SL	16	-4.40%
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	TP	14	20.40%
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	TP	14	22.17%
30/7/21	BCC	10.8	13	10	TP	11	20.37%
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
26/7/21	GVR	32.5	37.5	30	TP	22	15.38%
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	TP	11	11.31%
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	TP	22	20.98%
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	TP	23	10.74%
20/7/21	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
19/7/21	CTR	75	85	69.3	TP	25	13.33%
16/7/21	PDR	90.2	106.5	85	TP	28	18.07%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	3	3.73%	-5.02%	1.54%	14
Cổ phiếu đã chốt	179	111	13.97%	-7.83%	5.62%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2109	1445.00	-2.82%	-5.45	939.5%	291,090	9/16/2021	27
VN30F2110	0.00		-1450.45		-	10/15/2020	0
VN30F2112	1449.80	-2.41%	-0.65	-55.1%	135	12/16/2021	118
VN30F2203	1454.80	-1.74%	4.35	490.9%	130	3/17/2022	209

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +15.47 điểm, lên 1505.01 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, HPG, SSI, NVL, VPB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 điều chỉnh giảm trong phiên sáng xuống quanh 1480 điểm, trước khi phục hồi tích cực trong phiên chiều lên quanh 1505 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2108, các HDTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2203 các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2112, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2106	1/7/2022	140	10:1	293,700	34.64%	3,000	2,990	-0.33%	905	3.30	210,000	180,000	164,000
CFPT2102	1/10/2022	143	5:1	64,200	32.53%	4,000	5,550	-1.60%	1,957	2.84	110,000	90,000	92,800
CHPG2109	1/10/2022	143	1:1	41,000	38.21%	4,000	8,170	-4.00%	2,803	2.91	59,000	55,000	49,000
CPNJ2104	1/7/2022	140	8:1	463,600	30.76%	2,400	1,440	-4.00%	271	5.31	129,200	110,000	91,500
CHPG2106	8/27/2021	7	2:1	384,400	38.21%	4,100	8,900	-4.30%	284	31.28	42,937	36,908	49,000
CVIC2104	1/7/2022	140	10:1	467,500	33.60%	2,000	2,000	-4.31%	169	11.87	144,000	124,000	97,700
CMWG2104	3/22/2022	214	10:1	176,600	34.64%	2,400	6,050	-4.42%	3,705	1.63	159,000	135,000	164,000
CVNM2107	1/7/2022	140	10:1	497,900	26.18%	1,500	1,620	-4.71%	265	6.11	113,000	98,000	87,800
CVNM2106	1/13/2022	146	5:1	99,000	26.18%	4,000	2,750	-5.50%	460	5.98	120,000	100,000	87,800
CSTB2105	1/10/2022	143	1:1	43,300	46.71%	4,000	6,640	-5.95%	2,813	2.36	34,000	30,000	28,300
CFPT2103	1/7/2022	140	5:1	351,500	32.53%	3,000	3,470	-5.96%	1,053	3.30	115,000	100,000	92,800
CTCB2101	10/5/2021	46	1:1	84,300	40.94%	5,000	22,000	-6.58%	19,686	1.12	36,000	31,000	50,500
CMBB2103	1/7/2022	140	1.48:1	207,900	39.42%	3,000	3,100	-6.63%	962	3.22	53,000	47,000	29,900
CNVL2102	9/27/2021	38	16:1	223,700	35.90%	1,100	1,590	-8.62%	12	134.40	107,608	94,636	103,700
CVNM2105	9/27/2021	38	20:1	405,100	26.18%	1,100	320	-13.51%	0	16,000.00	139,661	117,931	87,800
CVPB2104	8/27/2021	7	3:1	119,000	40.39%	2,500	4,200	-16.00%	4,515	0.93	56,500	49,000	62,500
CSTB2104	8/27/2021	7	1:1	186,200	46.71%	4,000	5,900	-16.43%	5,421	1.09	26,900	22,900	28,300
CMWG2105	8/27/2021	7	8:1	246,000	34.64%	2,950	4,060	-17.48%	4,077	1.00	155,100	131,500	164,000
CPDR2102	9/27/2021	38	5:1	306,500	36.30%	1,100	1,730	-21.36%	511	3.38	94,499	88,999	85,100
CTCB2104	8/27/2021	7	2:1	103,500	40.94%	2,000	3,010	-25.68%	2,393	1.26	49,800	45,800	50,500
Tổng				4,471,200	35.56%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- CTCB2104 và CPDR2102 giảm mạnh lần lượt là -25.68% và -21.36%. Giá trị giao dịch tăng 37.05%. CHPG2106 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.02% thị trường.
- CVPB2104, CMWG2105, CSTB2104, CTCB2101, và CMSN2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CSTB2104, và CVPB2104 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	164.0	-4.9%	0.9	3,389	14.8	9,642	17.0	4.3	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	91.5	-2.7%	1.0	905	1.7	5,812	15.7	3.6	49.0%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	53.4	-2.9%	1.4	1,723	3.7	2,429	22.0	1.9	26.9%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	42.0	-2.8%	0.5	408	0.1	3,491	12.0	1.3	53.0%	10.8%
VIC	Bất động sản	97.7	-6.1%	0.7	16,164	21.3	1,688	57.9	4.2	15.0%	7.4%
VRE	Bất động sản	27.1	-3.2%	1.1	2,672	8.0	1,195	22.6	2.0	29.9%	9.3%
VHM	Bất động sản	108.1	-2.6%	1.0	15,743	97.3	9,941	10.9	3.7	23.7%	39.9%
DXG	Bất động sản	22.0	-6.4%	1.3	496	16.2	1,586		1.3	28.7%	11.0%
SSI	Chứng khoán	62.5	-0.3%	1.5	1,780	72.0	2,817	22.2	3.6	47.9%	16.5%
VCI	Chứng khoán	62.1	-2.8%	1.0	899	31.8	4,384	14.2	3.9	20.1%	25.4%
HCM	Chứng khoán	57.0	1.1%	1.6	756	33.0	2,899	19.7	3.6	48.4%	19.4%
FPT	Công nghệ	92.8	-1.8%	0.9	3,661	17.6	4,234	21.9	5.0	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	84.0	-0.6%	0.4	1,199	0.0	4,304	19.5	5.8	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	87.5	-3.7%	1.3	7,281	10.6	4,077	21.5	3.6	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	49.6	-3.7%	1.5	2,682	4.4	3,090	16.1	2.6	17.8%	17.4%
PVS	Dầu khí	25.0	-6.7%	1.7	520	18.0	1,160	21.5	1.0	7.6%	4.5%
BSR	Dầu khí	17.8	-6.8%	0.8	2,400	21.5	(909)	N/A	1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.6	-1.9%	0.4	543	0.1	5,761	16.6	3.7	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	36.2	3.6%	0.8	615	14.8	2,903	12.5	1.6	12.1%	13.6%
DCM	Hóa chất	23.7	1.1%	0.7	544	9.7	1,148	20.6	2.0	2.1%	9.6%
VCB	Ngân hàng	100.1	-2.6%	1.1	16,142	7.9	5,534	18.1	3.5	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	40.5	-4.7%	1.3	7,082	7.9	2,464	16.4	2.0	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	32.7	-4.7%	1.3	6,833	34.3	3,417	9.6	1.7	24.4%	19.0%
VPB	Ngân hàng	62.5	-3.3%	1.2	6,711	43.5	5,052	12.4	2.6	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	29.9	-3.9%	1.2	4,912	41.8	2,764	10.8	2.1	22.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	33.6	-4.8%	1.0	3,947	31.2	3,589	9.4	2.2	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	55.3	-0.9%	0.7	197	0.2	4,762	11.6	2.0	84.0%	16.4%
NTP	Nhựa	50.5	-1.0%	0.4	259	0.2	4,085	12.4	2.2	18.9%	18.3%
MSR	Tài nguyên	20.5	-2.8%	0.7	980	1.5	39	525.6	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	49.0	-3.7%	1.1	9,529	106.7	5,616	8.7	3.0	26.6%	39.8%
HSG	Thép	38.8	-4.2%	1.4	824	38.4	7,745	5.0	1.9	10.7%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	87.8	-2.8%	0.6	7,978	16.7	4,572	19.2	5.8	55.0%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	143.0	-3.4%	0.8	3,987	2.2	7,293	19.6	4.4	62.6%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	133.8	-1.8%	0.9	6,868	7.7	1,787	74.9	7.4	33.4%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.7	-2.9%	1.2	582	8.6	1,070	20.3	1.7	8.9%	8.5%
ACV	Vận tải	77.8	-1.0%	0.8	7,364	0.6	577	134.8	4.5	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	119.8	-0.2%	1.1	2,821	8.5	290		3.8	18.3%	1.0%
HVN	Vận tải	20.9	-1.9%	1.7	2,011	0.7	(7,377)		26.0	9.0%	-155.4%
GMD	Vận tải	47.4	0.6%	1.0	620	10.9	1,357	34.9	2.3	42.1%	6.7%
PVT	Vận tải	21.4	-7.0%	1.4	300	12.9	2,340	9.1	1.5	14.6%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	123.0	-2.4%	0.9	856	2.2	9,519	12.9	4.6	3.9%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	36.0	7.0%	0.4	701	10.9	2,098	17.1	2.5	5.4%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	19.5	-1.0%	0.9	323	4.0	1,653	11.8	1.3	3.0%	11.3%
CTD	Xây dựng	66.8	-0.7%	1.0	215	3.2	2,005	33.3	0.6	43.8%	1.8%
CII	Xây dựng	17.7	-4.8%	0.5	184	4.3	69	256.2	0.9	22.3%	0.3%
REE	Điện	61.3	1.0%	-1.4	824	5.9	5,807	10.6	1.5	49.0%	15.8%
PC1	Điện	30.5	-6.9%	-0.4	253	5.9	2,414	12.6	1.4	8.3%	12.9%
POW	Điện	10.9	-4.0%	0.6	1,110	7.4	1,090	10.0	0.9	3.0%	8.8%
NT2	Điện	19.4	0.5%	0.5	243	0.7	1,093	17.7	1.4	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	36.6	-1.6%	1.1	748	36.7	1,794	20.4	1.7	18.8%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	45.5	0%	1.0	2,048	0.3			3.0	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VGC	35.95	6.99	0.28	7.04MLN
DPM	36.15	3.58	0.13	9.54MLN
GEX	24.00	1.69	0.08	28.58MLN
APH	51.50	1.98	0.05	4.17MLN
REE	61.30	0.99	0.05	2.23MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	-0.01	-5.73	4.95MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-2.69	1.80MLN	607060
GVR	-0.01	-2.64	12.42MLN	373600
VHM	0.00	-2.61	20.50MLN	192700
TCB	0.00	-2.36	31.46MLN	611640

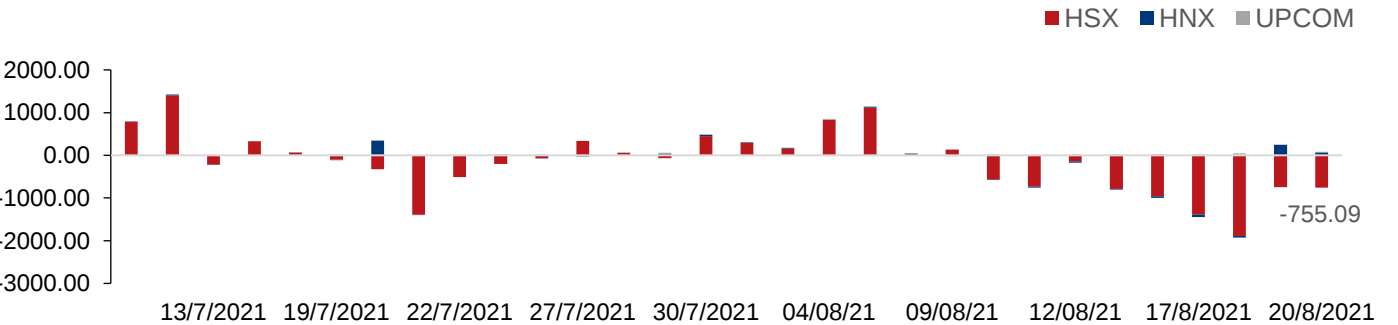
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
APG	16.05	7.00	0.01	4.22MLN
VMD	48.15	7.00	0.01	40500
HCD	7.34	7.00	0.00	3.03MLN
VGC	35.95	6.99	0.28	7.04MLN
LGL	6.77	6.95	0.01	328000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNH	39.90	-6.99	-0.03	1.51MLN
POM	16.00	-6.98	-0.09	1.16MLN
PVT	21.35	-6.97	-0.14	13.39MLN
HAI	4.28	-6.96	-0.02	7.22MLN
DRH	10.05	-6.94	-0.01	1.88MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.6	3,589	9.4	2.2	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	77.8	577	134.8	4.5	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	30.7	1,686	18.2	1.6	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.9	600	18.2	1.0	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.8	-411		0.8	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	39.0	3,949	9.9	1.6	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.7	3,417	9.6	1.7	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	23.7	1147.9	20.6	2.0	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	107.5	5,868	18.3	4.1	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	167.6	9,205	18.2	5.3	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	37.5	4,873	7.7	2.0	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	36.2	2,903	12.5	1.6	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.5	2,868	11.7	2.3	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	22.0	1,586		1.3	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	18.0	641	28.1	1.1	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	92.8	4,234	21.9	5.0	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	32.2	3,617	8.9	2.5	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	36.4	1,201	30.3	3.0	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	49.0	5,616	8.7	3.0	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	38.8	7,745	5.0	1.9	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	19.5	1,653	11.8	1.3	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.7	-1,169		0.8	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	39.4	1,969	20.0	2.8	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	50.3	6,758	7.4	1.8	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	24.0			1.9	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	75.9	6,544	11.6	2.7	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	164.0	9,642	17.0	4.3	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	40.9	3,926	10.4	1.8	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	30.5	2,414	12.6	1.4	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	35.0	2,380	14.7	2.1	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	91.5	5,812	15.7	3.6	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.9	1,090	10.0	0.9	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	18.3	0	666.9	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.0	1,160	21.5	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.7	1,070	20.3	1.7	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	34.1	1,064	32.0	3.5	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	45.1	15635.6	2.9	1.3	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.5	4,613	10.9	2.1	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	100.1	5,534	18.1	3.5	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.9	570	34.9	1.6	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	45.1	4,035	11.2	1.5	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	108.1	9,941	10.9	3.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	62.5	5,052	12.4	2.6	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.1	1,195	22.6	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	80.1	3,256	24.6	6.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639